TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 103 /2024/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 17 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Chị Tô Thị A, sinh năm 1972.

2/ Chị Tô Đặng Thùy D, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp X, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959.

2. Ông Huỳnh Hữu P, sinh năm 1960.

3. Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Tô Thị A và chị Tô Đặng Thùy D số tiền 1.061.000.000đ (*Một tỷ không trăm sáu mươi mốt triệu đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Tô Thị A và chị Tô Đặng Thùy D 160 (*Một trăm sáu mươi*) chỉ vàng 24K.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 39.730.000đ (*Ba mươi chín triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*), các bên thỏa thuận:

2.3.1. Nguyên đơn chị Tô Thị A và chị Tô Đặng Thùy D nộp 19.865.000đ (*Mười chín triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 22.091.000đ (*Hai mươi hai triệu không trăm chín mươi mốt ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011536 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 2.226.000đ *(Hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng)* hoàn trả lại cho chị A và chị D.

2.3.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Huỳnh Thị Hồng H nộp 19.865.000đ (*Mười chín triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) nhưng bà H thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn phần án phí mà bà H phải nộp là 9.932.500đ *(Chín triệu chín trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng).* Còn lại 9.932.500đ *(Chín triệu chín trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng)* chị H nộp theo quy định.

(Tính giá vàng 24K là 8.200.000đ/01 chỉ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Tuyền